

Tự doanh mua ròng mạnh

Hoạt động giao dịch trong nước

Thanh khoản trên thị trường trong tuần vừa qua đạt khoảng 172 nghìn tỷ đồng. Xét theo giao dịch trung bình từng phiên, thanh khoản ghi nhận 34.4 nghìn tỷ đồng/ phiên, tăng trưởng 16% so với tuần trước đó. Ở hướng ngược lại, nhóm nhà đầu tư cá nhân trong nước lại có phần thận trọng hơn khi quy mô giao dịch giảm 43%.

Đáng chú ý, nhóm tổ chức trong nước ghi nhận sự đột biến trong hoạt động giao dịch với tổng giá trị đạt 85 nghìn tỷ đồng, tăng gần 400% so với tuần trước đó. Cụ thể, ở chiều hướng mua ròng đạt 41.7 nghìn tỷ đồng và bán ròng ghi nhận 43.2 nghìn tỷ đồng.

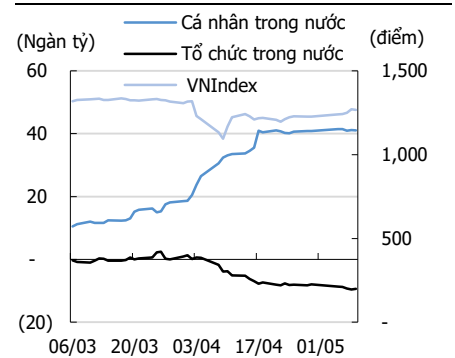
Hoạt động giao dịch tự doanh

Tự doanh đánh dấu chuỗi 2 tuần bán ròng liên tiếp, với hơn 1.1 nghìn tỷ đồng giá trị vốn ra. Cụ thể, nhóm này chủ yếu thoái vốn ở các mã như VIC (-229 tỷ đồng), MBB (-228 tỷ đồng) và SHB (-219 tỷ đồng). Ở hướng ngược lại, lực cầu tập trung nhiều nhất ở các nhóm ngân hàng, đặc biệt ở TCB (+237 tỷ đồng), VCB (+211 tỷ đồng) và STB (+198 tỷ đồng).

Hoạt động giao dịch khối ngoại

Sau nhiều tuần đối diện với áp lực thoái vốn, khối ngoại đã đảo chiều mua ròng mạnh trong tuần vừa qua, với giá trị lên đến 1.2 nghìn tỷ đồng. Kể từ đầu năm đến nay, đây là lần đầu tiên khối ngoại đổ vốn mạnh vào thị trường. Cụ thể, có hơn 11 mã cổ phiếu thu hút vốn trên 100 tỷ đồng từ khối ngoại, với các mã nổi bật như DXG (+262 tỷ đồng), VIC (+258 tỷ đồng), NLG (+221 tỷ đồng), MBB (+173 tỷ đồng) và MSN (+167 tỷ đồng). Ở chiều hướng ngược lại, áp lực bán chủ yếu ở VCB (-426 tỷ đồng), VHM (-333 tỷ đồng), SSI (-158 tỷ đồng), VPB (-151 tỷ đồng) và VNM (-117 tỷ đồng).

Hình 1. Giá trị tích lũy ròng



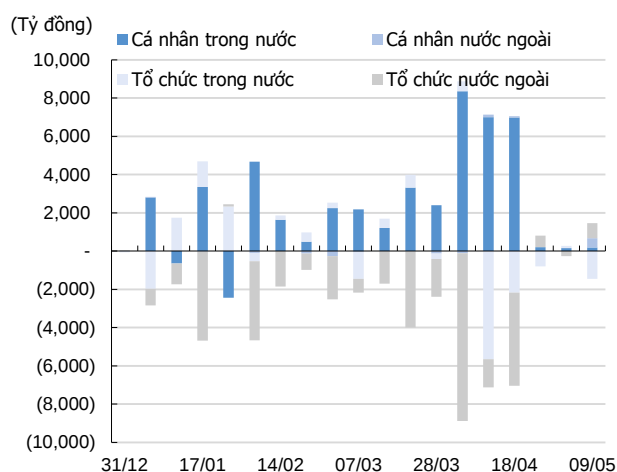
Nguồn: FiinproX, KIS Research
Lưu ý: Giá trị tích lũy tính từ tháng 1/23

Bảng 1: Hoạt động giao dịch theo nhóm nhà đầu tư

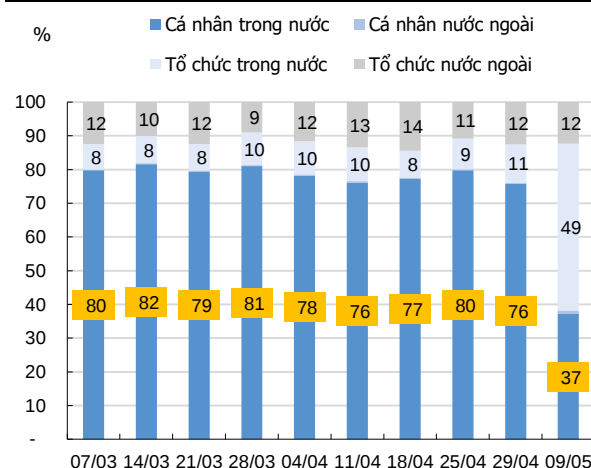
Nhóm nhà đầu tư	Giá trị mua (nghìn tỷ đồng)				Giá trị bán (nghìn tỷ đồng)				Giá trị ròng (nghìn tỷ đồng)			
	1W	1M	3M	YTD	1W	1M	3M	YTD	1W	1M	3M	YTD
Cá nhân nước ngoài	35.0	62.7	135.7	224.0	35.7	67.0	144.3	226.3	(0.7)	(4.3)	(8.7)	(2.3)
Cá nhân trong nước	26.5	231.4	941.2	1,556.2	26.9	223.9	906.2	1,507.0	(0.4)	7.5	35.0	49.2
Tổ chức nước ngoài	9.1	40.3	125.5	205.4	8.7	44.0	151.8	252.3	0.5	(3.8)	(26.3)	(47.0)
Tổ chức trong nước	1.0	1.8	4.2	6.3	0.3	1.3	4.2	6.2	0.7	0.5	(0.1)	0.1
Tự doanh	1.4	8.7	40.4	76.4	2.0	11.0	44.4	81.6	(0.6)	(2.3)	(4.0)	(5.2)

Nguồn: FiinproX, KIS Research

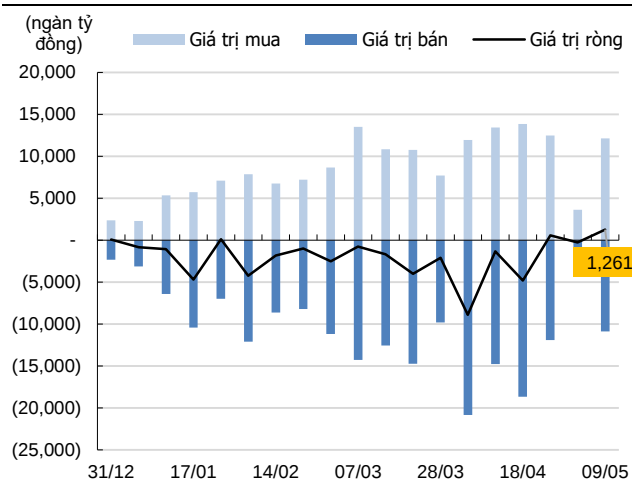
Research Dept
Researchdept@kisvn.vn

Hình 2. Diễn biến giao dịch theo nhóm nhà đầu tư

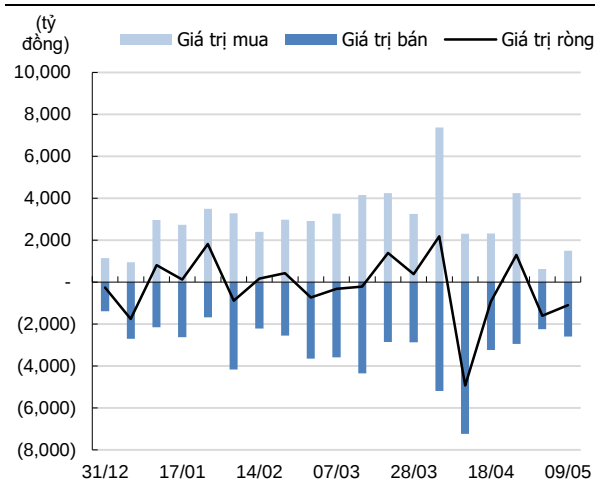
Nguồn: FiinproX, KIS Research

Hình 3. Tỷ trọng giá trị giao dịch theo nhóm nhà đầu tư

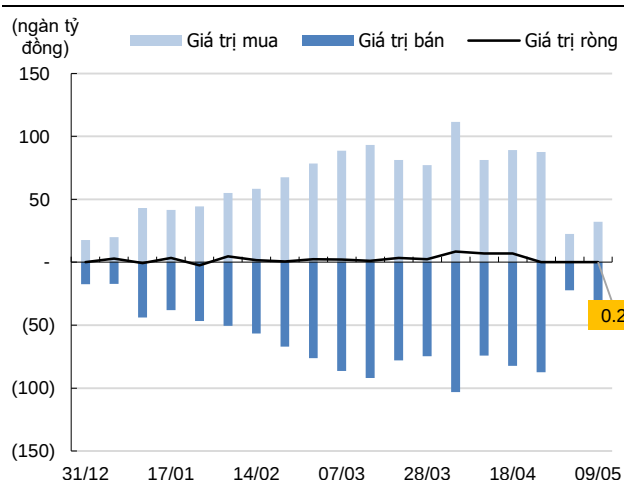
Nguồn: FiinproX, KIS Research

Hình 4. Giao dịch từ nhà đầu tư nước ngoài

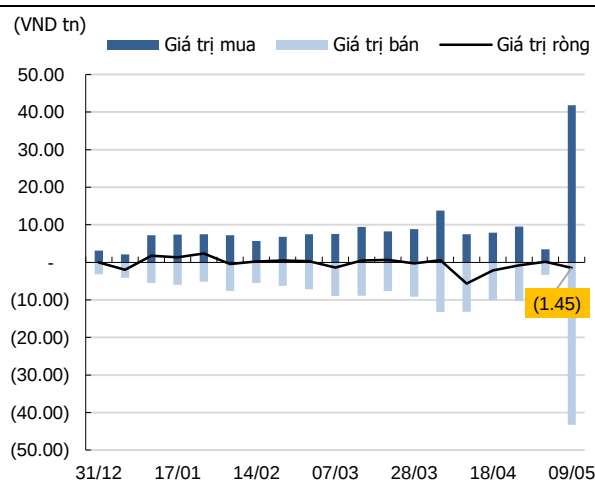
Nguồn: FiinproX, KIS Research

Hình 5. Giao dịch tự doanh

Nguồn: FiinproX, KIS Research

Hình 6. Giao dịch từ nhà đầu tư cá nhân trong nước

Nguồn: FiinproX, KIS Research

Hình 7. Giao dịch từ nhà đầu tư tổ chức trong nước

Nguồn: FiinproX, KIS Research

Bảng 2. CP mua ròng của cá nhân trong nước (đồng, %tuần, tỷ đồng)

Mã	Ngành	%	Mua	Bán	Ròng
VHM	Tài chính	6.5	1,140.2	(893.5)	246.7
VCB	Ngân hàng	(1.2)	390.2	(175.8)	214.4
MWG	Dịch vụ Tiêu dùng	(0.7)	658.7	(523.3)	135.4
SHB	Ngân hàng	2.4	1,770.5	(1,642.3)	128.2
EIB	Ngân hàng	0.8	335.9	(213.3)	122.6
VNM	Hàng Tiêu dùng	0.2	372.8	(270.6)	102.2
VIX	Tài chính	4.2	814.6	(713.0)	101.6
CII	Công nghiệp	1.9	406.9	(307.6)	99.3
VCG	Công nghiệp	0.0	456.2	(362.0)	94.2
TPB	Ngân hàng	3.3	363.3	(283.4)	79.9

Nguồn: FiinproX, KIS Research

Bảng 3. CP bán ròng của cá nhân trong nước (đồng, %tuần, tỷ đồng)

Mã	Ngành	%	Mua	Bán	Ròng
STB	Ngân hàng	1.7	659.1	(936.0)	(276.9)
TCB	Ngân hàng	4.9	700.5	(937.4)	(236.9)
NLG	Tài chính	15.2	122.6	(230.7)	(108.1)
DXG	Tài chính	6.9	298.3	(396.1)	(97.8)
MSB	Ngân hàng	0.9	111.0	(199.4)	(88.5)
HCM	Tài chính	2.6	576.9	(662.6)	(85.7)
VRE	Tài chính	5.7	378.1	(459.7)	(81.5)
MSN	Hàng Tiêu dùng	0.5	423.9	(499.0)	(75.1)
HHS	Hàng Tiêu dùng	12.3	182.1	(251.5)	(69.4)
HSG	Nguyên vật liệu	8.0	136.6	(204.9)	(68.3)

Nguồn: FiinproX, KIS Research

Bảng 4. CP mua ròng của tổ chức trong nước (đồng, %tuần, tỷ đồng)

Mã	Ngành	%	Mua	Bán	Ròng
TCB	Ngân hàng	4.9	1,727.4	(1,490.0)	237.4
VCB	Ngân hàng	(1.2)	486.5	(274.6)	212.0
STB	Ngân hàng	1.7	1,534.6	(1,335.7)	199.0
SSI	Tài chính	0.0	943.4	(806.8)	136.6
VPB	Ngân hàng	2.7	758.5	(651.4)	107.1
HAH	Công nghiệp	4.0	465.1	(373.4)	91.7
BWE	Tiện ích Cộng đồng	6.5	162.7	(71.5)	91.2
VHM	Tài chính	6.5	982.7	(895.4)	87.3
FPT	Công nghệ Thông tin	6.0	1,790.5	(1,709.9)	80.6
HSG	Nguyên vật liệu	8.0	362.0	(283.9)	78.1

Nguồn: FiinproX, KIS Research

Bảng 5. CP bán ròng của tổ chức trong nước (đồng, %tuần, tỷ đồng)

Mã	Ngành	%	Mua	Bán	Ròng
VIC	Tài chính	12.5	1,336.4	(1,565.5)	(229.1)
MBB	Ngân hàng	(0.2)	1,060.8	(1,289.4)	(228.6)
SHB	Ngân hàng	2.4	2,484.0	(2,703.8)	(219.7)
DXG	Tài chính	6.9	448.6	(613.1)	(164.5)
VIX	Tài chính	4.2	1,166.9	(1,327.3)	(160.4)
CTG	Ngân hàng	0.7	511.3	(669.6)	(158.3)
MWG	Dịch vụ Tiêu dùng	(0.7)	923.3	(1,077.0)	(153.8)
HPG	Nguyên vật liệu	0.6	892.0	(1,029.0)	(137.0)
EIB	Ngân hàng	0.8	415.3	(552.2)	(136.9)
NLG	Tài chính	15.2	194.1	(307.6)	(113.5)

Nguồn: FiinproX, KIS Research

Bảng 6. CP mua ròng của tổ chức nước ngoài (đồng, %tuần, tỷ đồng)

Mã	Ngành	%	Mua	Bán	Ròng
MBB	Ngân hàng	(0.2)	482.0	(201.6)	280.4
VIC	Tài chính	12.5	567.7	(319.1)	248.6
NLG	Tài chính	15.2	209.8	(38.2)	171.6
DXG	Tài chính	6.9	221.8	(59.2)	162.6
HVN	Dịch vụ Tiêu dùng	9.5	154.5	(25.5)	129.0
GEX	Công nghiệp	13.2	255.5	(144.8)	110.7
PNJ	Hàng Tiêu dùng	7.5	331.6	(224.4)	107.2
HCM	Tài chính	2.6	152.0	(47.0)	105.0
MSN	Hàng Tiêu dùng	0.5	236.9	(139.5)	97.4
SHB	Ngân hàng	2.4	134.4	(45.1)	89.2

Nguồn: FiinproX, KIS Research

Bảng 7. CP bán ròng của tổ chức nước ngoài (đồng, %tuần, tỷ đồng)

Mã	Ngành	%	Mua	Bán	Ròng
VHM	Tài chính	6.5	358.7	(741.5)	(382.8)
VCB	Ngân hàng	(1.2)	111.9	(473.4)	(361.5)
SSI	Tài chính	0.0	208.7	(362.9)	(154.2)
VPB	Ngân hàng	2.7	94.0	(247.0)	(153.0)
VNM	Hàng Tiêu dùng	0.2	102.0	(204.2)	(102.3)
VCG	Công nghiệp	0.0	25.4	(109.0)	(83.6)
BWE	Tiện ích Cộng đồng	6.5	9.9	(72.1)	(62.2)
HAH	Công nghiệp	4.0	25.3	(85.8)	(60.6)
GMD	Công nghiệp	0.0	178.8	(232.8)	(54.0)
CTD	Công nghiệp	(3.0)	7.8	(59.5)	(51.7)

Nguồn: FiinproX, KIS Research

Bảng 8. CP mua ròng của cá nhân nước ngoài (đồng, %tuần, tỷ đồng)

Mã	Ngành	%	Mua	Bán	Ròng
HPG	Nguyên vật liệu	0.6	131.7	(5.8)	125.8
VRE	Tài chính	5.7	118.1	(1.3)	116.8
DXG	Tài chính	6.9	99.6	0.0	99.6
MSN	Hàng Tiêu dùng	0.5	72.1	(1.6)	70.5
CTG	Ngân hàng	0.7	61.8	(0.3)	61.5
KBC	Tài chính	6.1	63.8	(8.1)	55.7
NVL	Tài chính	7.9	54.6	(0.8)	53.8
NLG	Tài chính	15.2	63.2	(13.3)	49.9
VHM	Tài chính	6.5	66.1	(17.3)	48.8
PDR	Tài chính	8.1	50.3	(9.3)	41.0

Nguồn: FiinproX, KIS Research

Bảng 9. CP bán ròng của cá nhân nước ngoài (đồng, %tuần, tỷ đồng)

Mã	Ngành	%	Mua	Bán	Ròng
MBB	Ngân hàng	(0.2)	13.0	(119.5)	(106.4)
FPT	Công nghệ Thông tin	6.0	31.8	(113.7)	(81.9)
VCB	Ngân hàng	(1.2)	6.5	(71.4)	(64.9)
VNM	Hàng Tiêu dùng	0.2	7.5	(41.8)	(34.2)
TCB	Ngân hàng	4.9	1.4	(26.7)	(25.2)
GEX	Công nghiệp	13.2	5.9	(22.0)	(16.1)
CTR	Công nghiệp	10.4	0.6	(11.6)	(11.0)
BWE	Tiện ích Cộng đồng	6.5	2.8	(10.4)	(7.6)
PLX	Dầu khí	3.7	0.1	(7.0)	(6.9)
MSB	Ngân hàng	0.9	0.0	(6.3)	(6.3)

Nguồn: FiinproX, KIS Research

Bảng 10. Top 10 CP mua ròng của khối ngoại (đồng, %tuần, tỷ đồng)

Mã	Ngành	%	Mua	Bán	Ròng
DXG	Tài chính	6.9	321.4	(59.2)	262.2
VIC	Tài chính	12.5	583.1	(324.3)	258.8
NLG	Tài chính	15.2	273.0	(51.5)	221.5
MBB	Ngân hàng	(0.2)	495.0	(321.0)	173.9
MSN	Hàng Tiêu dùng	0.5	309.0	(141.1)	167.9
HPG	Nguyên vật liệu	0.6	331.3	(174.3)	157.0
CTG	Ngân hàng	0.7	260.6	(125.5)	135.1
HVN	Dịch vụ Tiêu dùng	9.5	155.5	(25.6)	129.9
VRE	Tài chính	5.7	331.8	(221.6)	110.2
PNJ	Hàng Tiêu dùng	7.5	334.0	(225.0)	109.0

Nguồn: FiinproX, KIS Research

Bảng 11. Top 10 CP bán ròng của khối ngoại (đồng, %tuần, tỷ đồng)

Mã	Ngành	%	Mua	Bán	Ròng
VCB	Ngân hàng	(1.2)	118.4	(544.8)	(426.4)
VHM	Tài chính	6.5	424.8	(758.8)	(334.0)
SSI	Tài chính	0.0	212.8	(371.2)	(158.4)
VPB	Ngân hàng	2.7	99.8	(251.3)	(151.5)
VNM	Hàng Tiêu dùng	0.2	109.5	(246.0)	(136.5)
FPT	Công nghệ Thông tin	6.0	1,520.6	(1,637.7)	(117.1)
VCG	Công nghiệp	0.0	25.7	(109.1)	(83.4)
BWE	Tiện ích Cộng đồng	6.5	12.7	(82.5)	(69.8)
HAH	Công nghiệp	4.0	27.6	(88.3)	(60.7)
CTD	Công nghiệp	(3.0)	7.8	(59.5)	(51.7)

Nguồn: FiinproX, KIS Research

Bảng 12. Top CP mua ròng của tự doanh (đồng, %tuần, tỷ đồng)

Mã	Sàn	%	Mua	Bán	Ròng
DGC	Nguyên vật liệu	0.8	32.3	0.0	32.3
FUEVFNVD	Tài chính	2.6	64.7	(34.1)	30.6
FUEKIV30	Tài chính	3.7	19.6	(0.2)	19.4
PNJ	Hàng Tiêu dùng	7.5	22.6	(3.4)	19.3
HSG	Nguyên vật liệu	8.0	14.9	0.0	14.9
VHC	Hàng Tiêu dùng	4.0	13.1	0.0	13.1
TCH	Tài chính	2.6	13.1	(2.9)	10.2
VND	Tài chính	2.1	10.1	(0.1)	10.0
VTP	Công nghiệp	3.9	14.2	(5.5)	8.7
PVT	Công nghiệp	5.5	8.0	0.0	8.0

Nguồn: FiinproX, KIS Research

Bảng 13. Top CP bán ròng của tự doanh (đồng, %tuần, tỷ đồng)

Mã	Ngành	%	Mua	Bán	Ròng
CII	Công nghiệp	1.9	0.0	(197.7)	(197.7)
TCB	Ngân hàng	4.9	64.7	(156.7)	(92.0)
VRE	Tài chính	5.7	40.4	(131.7)	(91.3)
HPG	Nguyên vật liệu	0.6	91.0	(174.5)	(83.6)
MBB	Ngân hàng	(0.2)	104.0	(177.7)	(73.7)
MWG	Dịch vụ Tiêu dùng	(0.7)	123.1	(183.9)	(60.8)
STB	Ngân hàng	1.7	51.3	(106.9)	(55.6)
ACB	Ngân hàng	0.4	33.7	(82.5)	(48.8)
VNM	Hàng Tiêu dùng	0.2	57.0	(103.0)	(46.0)
VIC	Tài chính	12.5	87.4	(132.2)	(44.7)

Nguồn: FiinproX, KIS Research

Global Disclaimer

■ General

This research report and marketing materials for Vietnamese securities are originally prepared and issued by the Research Center of KIS Vietnam Securities Corp., an organization licensed with the State Securities Commission of Vietnam. The analyst(s) who participated in preparing and issuing this research report and marketing materials is/are licensed and regulated by the State Securities Commission of Vietnam in Vietnam only. This report and marketing materials are copyrighted and may not be copied, redistributed, forwarded or altered in any way without the consent of KIS Vietnam Securities Corp..

This research report and marketing materials are for information purposes only. They are not and should not be construed as an offer or solicitation of an offer to purchase or sell any securities or other financial instruments or to participate in any trading strategy. This research report and marketing materials do not provide individually tailored investment advice. This research report and marketing materials do not consider individual investor circumstances, objectives or needs, and are not intended as recommendations of particular securities, financial instruments or strategies to any particular investor. The securities and other financial instruments discussed in this research report and marketing materials may not be suitable for all investors. The recipient of this research report and marketing materials must make their own independent decisions regarding any securities or financial instruments mentioned herein and investors should seek the advice of a financial adviser. KIS Vietnam Securities Corp. does not undertake that investors will obtain any profits, nor will it share with investors any investment profits. KIS Vietnam Securities Corp., its affiliates, or their affiliates and directors, officers, employees or agents of each of them disclaim any and all responsibility or liability whatsoever for any loss (director consequential) or damage arising out of the use of all or any part of this report or its contents or otherwise arising in connection therewith. Information and opinions contained herein are subject to change without notice and may differ or be contrary to opinions expressed by other business areas or KIS Vietnam Securities Corp. The final investment decision is based on the client's judgment, and this research report and marketing materials cannot be used as evidence in any legal dispute related to investment decisions.

■ Country-specific disclaimer

United States: This report is distributed in the U.S. by Korea Investment & Securities America, Inc., a member of FINRA/SIPC, and is only intended for major U.S. institutional investors as defined in Rule 15a-6(a)(2) under the U.S. Securities Exchange Act of 1934. All U.S. persons that receive this document by their acceptance thereof represent and warrant that they are a major U.S. institutional investor and have not received this report under any express or implied understanding that they will direct commission income to Korea Investment & Securities, Co., Ltd. or its affiliates. Pursuant to Rule 15a-6(a)(3), any U.S. recipient of this document wishing to affect a transaction in any securities discussed herein should contact and place orders with Korea Investment & Securities America, Inc., which accepts responsibility for the contents of this report in the U.S. The securities described in this report may not have been registered under the U.S. Securities Act of 1933, as amended, and, in such case, may not be offered or sold in the U.S. or to U.S. person absent registration or an applicable exemption from the registration requirement.

United Kingdom: This report is not an invitation nor is it intended to be an inducement to engage in investment activity for the purpose of section 21 of the Financial Services and Markets Act 2000 of the United Kingdom ("FSMA"). To the extent that this report does constitute such an invitation or inducement, it is directed only at (i) persons who are investment professionals within the meaning of Article 19(5) of the Financial Services and Markets Act 2000 (Financial Promotion) Order 2005 (as amended) of the United Kingdom (the "Financial Promotion Order"); (ii) persons who fall within Articles 49(2)(a) to (d) ("high net worth companies, unincorporated associations etc.") of the Financial Promotion Order; and (iii) any other persons to whom this report can, for the purposes of section 21 of FSMA, otherwise lawfully be made (all such persons together being referred to as "relevant persons"). Any investment or investment activity to which this report relates is available only to relevant persons and will be engaged in only with relevant persons. Persons who are not relevant persons must not act or rely on this report.

Hong Kong: This research report and marketing materials may be distributed in Hong Kong to institutional clients by Korea Investment & Securities Asia Limited (KISA), a Hong Kong representative subsidiary of Korea Investment & Securities Co., Ltd., and may not otherwise be distributed to any other party. KISA provides equity sales service to institutional clients in Hong Kong for Korean securities under its sole discretion, and is thus solely responsible for provision of the aforementioned equity selling activities in Hong Kong. All requests by and correspondence with Hong Kong investors involving securities discussed in this report and marketing materials must be affected through KISA, which is registered with The Securities & Futures Commission (SFC) of Hong Kong. Korea Investment & Securities Co., Ltd. is not a registered financial institution under Hong Kong's SFC.

Singapore: This report is provided pursuant to the financial advisory licensing exemption under Regulation 27(1)(e) of the Financial Advisers Regulation of Singapore and accordingly may only be provided to persons in Singapore who are "institutional investors" as defined in Section 4A of the Securities and Futures Act, Chapter 289 of Singapore. This report is intended only for the person to whom Korea Investment & Securities Co., Ltd. has provided this report and such person may not send, forward or transmit in any way this report or any copy of this report to any other person. Please contact Korea Investment & Securities Singapore Pte Ltd in respect of any matters arising from, or in connection with, the analysis or report (Contact Number: 65 6501 5600).

Copyright © 2025 KIS Vietnam Securities Corp. All rights reserved. No part of this report may be reproduced or distributed in any manner without permission of KIS Vietnam Securities Corp.